

Số: 72 /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

Ban hành định mức chi phí chuẩn bị và hoạt động triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực đường bộ

Căn cứ Nghị định số 312/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT;

Căn cứ Nghị định số 243/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 354/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư ban hành định mức chi phí chuẩn bị và hoạt động triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực đường bộ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này các định mức sau

- Định mức chi phí chuẩn bị dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực đường bộ.
- Định mức chi phí cho hoạt động triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng dự án PPP trong lĩnh vực đường bộ.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

- Thông tư này quy định định mức chi phí chuẩn bị và hoạt động triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP trong lĩnh vực đường bộ.
- Đối với các dự án PPP giao thông khác ngoài lĩnh vực đường bộ, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng nghiên cứu quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan để xem xét, quyết định áp dụng hoặc điều chỉnh

cho phù hợp với tính chất đặc thù của lĩnh vực và quy mô hợp đồng dự án PPP, bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định, lập dự toán, quản lý và sử dụng chi phí quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung, tính chất của từng loại hợp đồng dự án PPP, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng xác định chi phí chuẩn bị dự án, chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng, chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn vận hành, kinh doanh theo quy định tại Thông tư này.

2. Việc quản lý, sử dụng chi phí chuẩn bị dự án PPP và chi phí cho hoạt động triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng phải căn cứ quy định cụ thể tại hợp đồng dự án PPP, quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

3. Chi phí của cơ quan nhà nước xác định theo quy định tại Thông tư này là chi phí tối đa để cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện các công việc trong giai đoạn chuẩn bị dự án PPP, cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng PPP.

4. Căn cứ điều kiện cụ thể, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng có thể giao nhiệm vụ cho đơn vị trực thuộc thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2026.

2. Áp dụng chuyển tiếp

a) Đối với chi phí chuẩn bị dự án được tính trong tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo nội dung đã phê duyệt; trường hợp điều chỉnh dự án thì việc xác định chi phí chuẩn bị thực hiện theo quy định tại Thông tư này;

b) Đối với dự toán chi phí của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đối với dự toán chi phí của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa phê duyệt thì áp dụng theo quy định tại Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Bộ Xây dựng; các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng, Báo Xây dựng;
- Lưu: VT, CĐBVN.



**ĐỊNH MỨC CHI PHÍ**

**Chuẩn bị và hoạt động triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng
của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP
trong lĩnh vực đường bộ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 72./2026/TT-BXD ngày 30 tháng 9.. năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Phần I**ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHUẨN BỊ DỰ ÁN****1. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí chuẩn bị dự án**

1.1. Chi phí chuẩn bị dự án trong tổng mức đầu tư xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (ban hành tại Bảng 1 dưới đây) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư của dự án.

1.2. Hệ số áp dụng định mức

1.2.1. Hệ số áp dụng định mức trong trường hợp đặc thù xác định như sau:

- a) Dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được xem xét chuyển đổi thành PPP (cập nhật, chỉnh lý, bổ sung báo cáo đã duyệt): $k = 0,8$;
- b) Trường hợp lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật: $k = 0,4$ với dự án nhóm A và nhóm B; $k = 0,8$ với dự án nhóm C;
- c) Dự án không phải lập chủ trương đầu tư: $k = 0,85$;
- d) Dự án do nhà đầu tư đề xuất: $k = 0,5$.

1.2.2. Hệ số điều chỉnh theo địa bàn thực hiện dự án

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng trên biển, trên đảo, trải dài dọc theo tuyến biên giới trên đất liền, hoặc triển khai tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật: xác định theo định mức ban hành tại Bảng 1 kèm theo Thông tư này và điều chỉnh với hệ số $k = 1,35$;

b) Đối với dự án trải dài theo tuyến trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên hoặc dự án gồm các công trình riêng biệt được xây dựng trên địa bàn nhiều tỉnh khác nhau: xác định theo định mức ban hành tại Bảng 1 kèm theo Thông tư này và điều chỉnh với hệ số $k = 1,1$.

1.2.3. Trường hợp chi phí thiết bị chiếm tỷ trọng $\geq 50\%$ tổng chi phí xây dựng và thiết bị trong tổng mức đầu tư được duyệt thì điều chỉnh định mức chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền với hệ số $k = 0,8$.

1.2.4. Hệ số áp dụng định mức trong trường hợp điều chỉnh

Chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp điều chỉnh như sau:

- a) Điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời điều chỉnh dự án đầu tư: $k = 0,3$;
- b) Điều chỉnh dự án đầu tư (không điều chỉnh chủ trương đầu tư): $k = 0,2$;
- c) Đối với trường hợp điều chỉnh quy định tại điểm a, b khoản này, hệ số điều chỉnh được áp dụng trên tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) của dự án sau điều chỉnh.

1.3. Chi phí chuẩn bị dự án

Chi phí chuẩn bị dự án xác định theo công thức sau:

$$C_{cbda} = C_{(xd+tb)} \times N_t \times \prod_{i=1}^n k_i$$

Trong đó:

- C_{cbda} : Chi phí chuẩn bị dự án; đơn vị tính: giá trị;
- $C_{(xd+tb)}$: Chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư của dự án; đơn vị tính: giá trị;
- N_t : Định mức chi phí chuẩn bị dự án ban hành tại Thông tư này; đơn vị tính: tỷ lệ %;
- k_i : Hệ số áp dụng hoặc điều chỉnh định mức tại mục 1.2 Phần này;
- n : Các hệ số áp dụng định mức.

1.4. Trường hợp dự án, công trình có quy mô nằm trong khoảng quy mô chi phí được quy định tại bảng định mức ban hành kèm theo Thông tư này thì định mức chi phí xác định theo công thức sau:

$$N_t = N_b - \frac{N_b - N_a}{G_a - G_b} \times (G_t - G_b)$$

Trong đó:

- N_t : Định mức chi phí theo quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cần tính; đơn vị tính: tỷ lệ %;
- G_t : Quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cần tính định mức; đơn vị tính: giá trị;
- G_a : Quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cận dưới quy mô chi phí cần tính định mức; đơn vị tính: giá trị;
- G_b : Quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cận trên quy mô chi phí cần tính định mức; đơn vị tính: giá trị;
- N_a : Định mức chi phí chuẩn bị dự án tương ứng với G_a ; đơn vị tính: tỷ lệ %;

- N_b : Định mức chi phí chuẩn bị dự án tương ứng với G_b ; đơn vị tính: tỷ lệ %.

1.5. Trường hợp dự án được tách thành các dự án thành phần thì chi phí chuẩn bị dự án xác định riêng theo quy mô của từng dự án thành phần.

2. Định mức chi phí

Bảng 1. Định mức chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền (N_t)

Đơn vị tính: tỷ lệ %

Chi phí xây dựng và thiết bị (chưa có thuế GTGT) (tỷ đồng)	≤ 50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	10.000	20.000	≥ 30.000
Định mức	0,200	0,138	0,129	0,103	0,089	0,077	0,036	0,026	0,019	0,015

Nội dung công việc: Chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền xác định theo định mức tại Bảng 1 là toàn bộ chi phí cần thiết để cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện các công việc trong giai đoạn chuẩn bị dự án. Các công việc chủ yếu bao gồm:

- Đánh giá lựa chọn dự án đầu tư theo phương thức PPP; tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn;
- Tổ chức lập, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Tổ chức họp, làm việc, thỏa thuận với các cơ quan, đơn vị liên quan, kiểm tra hiện trường;
- Kiểm tra, rà soát hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Kiểm soát các thủ tục theo quy định pháp luật;
- Quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư;
- Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; tổ chức đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng dự án PPP; đăng tải thông tin;
- Các công việc khác theo quy định pháp luật.

Phần II

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN SAU KHI KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Chương I

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN TRONG GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG

1. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng

1.1. Chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (ban hành tại Bảng 2 dưới đây) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng).

Chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng là toàn bộ chi phí cần thiết để cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức thực hiện các công việc từ thời điểm ký kết hợp đồng cho đến thời điểm công trình dự án được cấp có thẩm quyền xác nhận hoàn thành và quyết toán vốn đầu tư.

1.2. Hệ số áp dụng

Định mức chi phí tại Bảng 2 được áp dụng điều chỉnh theo quy định tại các khoản 1.2.2 (hệ số điều chỉnh theo địa bàn thực hiện dự án), 1.2.3 (tỷ trọng chi phí thiết bị) mục 1 Phần I Thông tư này.

1.3. Chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng

Chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng xác định theo công thức sau:

$$C_{qlhđxd} = C_{(xd+tb)} \times N_t \times \prod_{i=1}^n k_i$$

Trong đó:

- $C_{qlhđxd}$: Chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng; đơn vị tính: giá trị;

- $C_{(xd+tb)}$: Chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư của dự án; đơn vị tính: giá trị;

- N_t : Định mức chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng ban hành tại Thông tư này; đơn vị tính: tỷ lệ %;

- k_i : Hệ số áp dụng hoặc điều chỉnh định mức tại mục 1.2 Chương này;

- n : Các hệ số áp dụng định mức.

1.4. Trường hợp dự án, công trình có quy mô nằm trong khoảng quy mô chi phí được quy định tại bảng định mức ban hành kèm theo Thông tư này thì định mức chi phí xác định theo nguyên tắc quy định tại mục 1.4 Phần I Thông tư này.

1.5. Trường hợp dự án được tách thành các dự án thành phần thì chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng xác định riêng theo quy mô của từng dự án thành phần.

1.6. Định mức chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng quy định tại Thông tư này làm cơ sở để xác định chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng.

1.7. Hằng năm, căn cứ chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng tại mục 1.3 Chương này và khối lượng công việc dự kiến thực hiện theo quy định hợp đồng, quy định pháp luật, cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức lập dự toán chi phí của năm kế hoạch và tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

1.8. Tổng chi phí của các năm kế hoạch quy định tại mục 1.7 khoản này không được vượt quá chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng quy định tại mục 1.3 khoản này.

2. Định mức chi phí

Bảng 2. Định mức chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng (N_t)

Đơn vị tính: tỷ lệ %

Chi phí xây dựng và thiết bị (chưa có thuế GTGT) (tỷ đồng)	≤ 50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	10.000	20.000	≥ 30.000
Định mức	0,801	0,550	0,514	0,413	0,356	0,308	0,142	0,105	0,078	0,062

Nội dung công việc: Chi phí hoạt động triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng xác định theo định mức quy định tại Thông tư này là toàn bộ chi phí cần thiết để cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức thực hiện các công việc từ thời điểm ký kết hợp đồng cho đến thời điểm công trình dự án được cấp có thẩm quyền xác nhận hoàn thành và quyết toán vốn đầu tư. Các công việc chủ yếu bao gồm:

- Tổ chức đăng tải, công khai thông tin hợp đồng;
- Phối hợp với địa phương thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất và bàn giao cho doanh nghiệp dự án;
- Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng trong công tác lựa chọn nhà thầu của chủ đầu tư;
- Quản lý, giải ngân vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án theo quy định hợp đồng; tổ chức đàm phán, điều chỉnh hợp đồng (nếu có);

- Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng;
- Quyết toán phần vốn nhà nước trong dự án; xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong giai đoạn xây dựng theo thẩm quyền quy định pháp luật và quy định tại hợp đồng dự án;
- Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ thanh tra, kiểm toán, kiểm tra của các cơ quan chức năng;
- Kiểm tra, giám sát, quản lý việc thực hiện hợp đồng của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án bao gồm: thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng, thực hiện các thủ tục khởi công công trình dự án, tiến độ huy động, giải ngân vốn chủ sở hữu, vốn do nhà đầu tư huy động;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn thi công xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; việc bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình dự án theo quy định tại hợp đồng; tổ chức kiểm định chất lượng (trong trường hợp cần thiết);
- Phối hợp với cấp có thẩm quyền tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình dự án, hạng mục công trình dự án;
- Kiểm tra, cấp xác nhận hoàn thành công trình; công tác quyết toán vốn đầu tư công trình dự án; kiểm tra một số công tác khác do nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án thực hiện theo quy định của hợp đồng trong giai đoạn xây dựng;
- Các nội dung khác theo quy định của hợp đồng và quy định pháp luật có liên quan.

Chương II

HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH, KINH DOANH

1. Nguyên tắc xác định và lập dự toán chi phí

1.1. Chi phí của cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh là các khoản chi cần thiết để cơ quan ký kết hợp đồng (hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý hợp đồng) tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của hợp đồng dự án PPP và quy định của pháp luật có liên quan.

1.2. Hằng năm, căn cứ nội dung hợp đồng dự án PPP và quy định pháp luật có liên quan, cơ quan ký kết hợp đồng (hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý hợp đồng) xây dựng kế hoạch, nội dung, khối lượng công việc dự kiến thực hiện, tổ chức lập dự toán chi phí của năm kế hoạch theo từng nội dung công việc và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định của pháp luật, tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Nội dung công việc làm cơ sở lập dự toán chi phí

Dự toán chi phí hằng năm được lập trên cơ sở các công việc chủ yếu sau đây:

- a) Theo dõi, cập nhật thông tin hợp đồng; xác nhận, rà soát, cập nhật các thông số tài chính, chi phí vận hành và các nội dung có liên quan theo hợp đồng;
- b) Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ; hậu kiểm, đối soát dữ liệu thu phí điện tử không dừng, doanh thu, lưu lượng xe, dữ liệu sao lưu, nhật ký hệ thống và các thông tin có liên quan;
- c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ quản lý, vận hành, bảo trì công trình của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP;
- d) Theo dõi, giám sát chất lượng sản phẩm, dịch vụ công do doanh nghiệp dự án PPP cung cấp theo hợp đồng;
- đ) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý có liên quan đến trạm dừng nghỉ thuộc phạm vi dự án (nếu có) theo hợp đồng và quy định của pháp luật;
- e) Chuẩn bị và tổ chức thực hiện việc chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, tài sản và các quyền, nghĩa vụ có liên quan khi kết thúc hợp đồng;
- g) Các nhiệm vụ khác thuộc trách nhiệm quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật và hợp đồng dự án PPP.

3. Căn cứ xác định các khoản chi

3.1. Chi phí của cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh được xác định theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định của pháp luật có liên quan.

3.2. Một số khoản chi chủ yếu được xác định như sau:

- a) Chi phí đi công tác để kiểm tra, giám sát, làm việc tại hiện trường thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí;
- b) Chi phí tổ chức hội nghị, cuộc họp và các hoạt động có tính chất hội nghị thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ chi hội nghị;
- c) Chi phí thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn, kiểm định, đánh giá, thuê dịch vụ chuyên môn và các dịch vụ cần thiết khác được xác định theo quy định của hợp đồng dự án PPP, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu và pháp luật có liên quan;
- d) Các khoản chi khác được xác định theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành tương ứng với tính chất của nhiệm vụ và nội dung chi.

4. Quản lý và sử dụng chi phí

Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí của cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan, bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với khối lượng công việc thực tế./.